

Bản án số: 109/2022/HS-ST.  
Ngày: 18-11-2022.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đức Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Hoa Vinh.

2. Bà Thị A Mi Na.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lý Thị Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Nhà Văn hóa xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 100/2022/TLST-HS, ngày 19 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Minh N, sinh năm 1989 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn T, huyện C, tỉnh N; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1959 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 06-3-2019, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị bắt giam trong vụ án khác từ ngày 12-12-2018 và đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức thuộc Bộ Công an cho đến nay; có mặt.

*- Bị hại:* Bà Vương Thị Kim Q, sinh năm 1979 và ông Đặng Minh H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn T, huyện C, tỉnh N; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng đầu năm 2016, do quen biết với bà Vương Thị Kim Q, sinh năm 1979, ngụ tại Khu phố 1, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và biết bà Q có nhu cầu vay vốn để kinh doanh, nên Nguyễn Minh N giới thiệu mình là nhân viên của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á - Chi nhánh Tây Ninh và có thể làm thủ tục cho bà Q vay vốn của Ngân hàng. Bà Q nhờ N làm thủ tục tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á - Chi nhánh Tây Ninh để vay số tiền 100.000.000 đồng dưới hình thức vay tín chấp, N đồng ý. Sau đó, N tìm hiểu và biết được vợ chồng bà Q đã làm thủ tục vay tín chấp ở nhiều Ngân hàng nhưng không vay được. Do cần tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ, N nảy sinh ý định lừa đảo bà Q để chiếm đoạt tiền, N nói với bà Q là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á - Chi nhánh Tây Ninh đã đồng ý cho bà Q vay số tiền 300.000.000 đồng dưới hình thức vay tín chấp. Sau đó, N nhiều lần yêu cầu bà Q chuyển tiền vào tài khoản của N và đưa tiền trực tiếp cho N để làm thủ tục giải ngân số tiền 300.000.000 đồng mà bà Q cần vay. Do tin tưởng N, trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2018, bà Q đã chuyển khoản và đưa tiền trực tiếp cho N nhiều lần với tổng số tiền 404.455.000 đồng. Sau khi phát hiện bị N lừa đảo chiếm đoạt số tiền trên, bà Q và chồng tên Đặng Minh H tìm gặp N yêu cầu N trả lại số tiền trên, N hứa hẹn nhưng chưa trả, nên bà Q, ông H tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của N đến cơ quan Công an.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Minh N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về kết quả thu giữ vật chứng: Không có.

Về kê biên tài sản: Qua xác minh thể hiện Nguyễn Minh N không có tài sản, nên không tiến hành kê biên.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Vương Thị Kim Q và ông Đặng Minh Hyêu cầu Nguyễn Minh N phải trả lại cho ông, bà số tiền 404.455.000 đồng, nhưng N chưa trả.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh N thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã nêu. Bản Cáo trạng số: 98/CT-VKSTC ngày 18 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, Khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Minh N về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a, Khoản 3 Điều 174; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Minh N.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Minh N có nghĩa vụ trả lại cho bà Vương Thị Kim Q và ông Đặng Minh H số tiền chiếm đoạt 404.455.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Minh N; bà Vương Thị Kim Q và ông Đặng Minh H không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Để có tiền tiêu xài và trả nợ, Nguyễn Minh N là người không có chức năng, thẩm quyền trong việc làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á - Chi nhánh Tây Ninh, nhưng đã dùng thủ đoạn gian dối nhận làm thủ tục vay vốn Ngân hàng cho bà Vương Thị Kim Q để chiếm đoạt tiền. Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2018, trên địa bàn huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, N đã chiếm đoạt của vợ, chồng bà Vương Thị Kim Q, ông Đặng Minh H số tiền 404.455.000 đồng thì bị phát hiện. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Minh N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, Khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; làm mất trật tự, trị an xã hội tại địa phương nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng. Bị cáo là người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý, nhằm chiếm đoạt tài sản rất lớn (404.455.000 đồng) của bị hại và sau khi thực hiện hành vi phạm tội này, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong vụ án khác và đã được xét xử. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, trừng trị và phòng ngừa chung.

[6] Do trước khi xét xử vụ án này, bị cáo đang chấp hành bản án số 63/2019/HSST, ngày 06-3-2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên căn cứ Điều 56 và Khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản để đảm bảo thi hành án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho bà Vương Thị Kim Q và ông Đặng Minh H số tiền chiếm đoạt 404.455.000 đồng.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 20.178.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a, Khoản 3 Điều 174; điểm s, Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Điều 56 và Khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 63/2019/HSST ngày 06-3-2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố

Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Nguyễn Minh N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-12-2018.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Minh N.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Minh N có nghĩa vụ trả lại cho bà Vương Thị Kim Q và ông Đặng Minh H số tiền chiếm đoạt 404.455.000 đồng (bốn trăm lẻ bốn triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Minh N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 20.178.000 đồng (hai mươi triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Minh N; bà Vương Thị Kim Q và ông Đặng Minh H được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06-Công an Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Đội điều tra về TTXH CA huyện;
- Cơ quan THA hình sự CA huyện;
- Văn phòng CA huyện;
- Trại giam Thủ Đức;
- THA Phạt tù;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
(đã ký)

**Lê Đức Dũng**

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS; lưu tập án;